Exo

Chapter 39

Vietnamese Interlinear

Reference: Vietnamese Bible (1934)

לְשָׁרֵת	שְׁרָד	בִּגְדֵי־	עָשׂוּ	הַשֻּׁנִי	וְתוֹלַעַת	וְהָאַרְגָּמָן	הַתְּכֵלֶת	וּמִן־	1
để–hầu–việc	phục–vụ	áo	đã–làm	đỏ–thắm	và–chỉ	và–vải–tím	vải–xanh	Và–từ	
H8334	H8278		H8144		H0713	H8504			

צִוָּה	כַּאֲשֶׁר	לְאַהֲרֹן	אֲשֶׁר	הַקֹּדֶשׁ	בִּגְדֵי	אֶת־	וַיַּעֲשׂוּ	בַּקֹּדֶשׁ
đã–truyền	như	cho–A-rôn	mà	thánh	áo	(đối–tượng)	và–đã–làm	trong–nơi–thánh
H6680		H0175		H6944		H0853		H6944

פ	מֹשֶׁה׃	אֶת־	יְהוָה
*	Môi-se	(đối–tượng)	Đức-Giê-hô-va
	H4872	H0853	H3068

Họ dùng chỉ màu tím, đỏ điều, đỏ sặm mà chế bộ áo định cho sự tế lễ trong nơi thánh, và bộ áo thánh cho A-rôn, y như lời Đức Giê-hô-va đã phán dặn Môi-se.

שָׁנִי	וְתוֹלַעַת	וְאַרְגָּמָן	תְּכֵלֶת	זָהָב	הָאֵפֹד	אֶת־	וַיַּעַשׂ	2
đỏ–thắm	và–chỉ	và–vải–tím	vải–xanh	bằng–vàng	ê-phôt	(đối–tượng)	Và–đã–làm	
H8144		H0713	H8504	H2091	H0646	H0853		

מָשְׁזָר׃	וְשֵׁשׁ
xe–kếp	và–vải–gai–mịn
H7806	

Vậy, họ chế ê-phót bằng kim tuyến, chỉ tím, đỏ điều, đỏ sặm, và vải gai đậu mịn.

הַתְּכֵלֶת	בְּתוֹךְ	לַעֲשׂוֹת	פְּתִילִם	וְקִצַּץ	הַזָּהָב	פַּחֵי	אֶת־	וַיְרַקְּעוּ	3
vải–xanh	trong	để–làm	sợi–chỉ	và–đã–cắt	vàng	lá	(đối–tượng)	Và–đã–dát–mỏng	
H8504	H8432		H6616	H7112	H2091		H0853	H7554	

חֹשֵׁב׃	מַעֲשֵׂה	הַשֵּׁשׁ	וּבְתוֹךְ	הַשֻּׁנִי	תוֹלַעַת	וּבְתוֹךְ	הָאַרְגָּמָן	וּבְתוֹךְ
thợ–thiết–kế	kiểu	vải–gai–mịn	và–trong	đỏ–thắm	chỉ	và–trong	vải–tím	và–trong
H2803	H4639		H8432	H8144		H8432	H0713	H8432

Họ căng vàng lá ra, cắt thành sợi chỉ mà xen cùng chỉ tím, đỏ điều, đỏ sặm, và chỉ gai mịn, chế thật cực xảo.

חֻבָּר׃	)קְצוֹתָיו(	]קצוותו[	שְׁנֵי	עַל־	חֻבְּרֹת	לוֹ	עָשׂוּ־	כְּתֹפֶת	4
được–nối	nó	đầu	hai	tại	nối–nhau	cho–nó	đã–làm	Cầu–vai	
H2266	H7098	H7117	H8147		H2266			H3802	

Họ may hai đai vai ê-phót, đầu hai đầu dính lại.

תְּכֵלֶת	זָהָב	כְּמַעֲשֵׂהוּ	הוּא	מִמֶּנּוּ	עָלָיו	אֲשֶׁר	אֲפֻדָּתוֹ	וְחֵשֶׁב	5
vải–xanh	bằng–vàng	cùng–kiểu	chính–nó	từ–nó	ở–trên–nó	mà	ê-phôt–nó	Và–đai	
H8504	H2091	H4639	H1931				H0642	H2805	

יְהוָה	צִוָּה	כַּאֲשֶׁר	מָשְׁזָר	וְשֵׁשׁ	שְׁנֵי	וְתוֹלַעַת	וְאַרְגָּמָן
Đức-Giê-hô-va	đã–truyền	như	xe–kếp	và–vải–gai–mịn	đỏ–thắm	và–chỉ	và–vải–tím
H3068	H6680		H7806		H8144		H0713

מֹשֶׁה׃	אֶת־
Môi-se	(đối–tượng)
H4872	H0853

Đai để cột ê-phót, phía ngoài, làm nguyên miếng một y như công việc của ê-phót: bằng kim tuyến, chỉ tím, đỏ điều, đỏ sặm, và bằng chỉ gai đậu mịn, y như lời Đức Giê-hô-va đã phán dặn Môi-se.

פְּתוּחֵי	מְפֻתָּחֹת	זָהָב	מִשְׁבְּצֹת	מֻסַבֹּת	הַשֹּׁהַם	אַבְנֵי	אֶת־	וַיַּעֲשׂוּ	6
chạm–khắc	được–khắc	vàng	khám	bọc–bằng	bích–ngọc	đá	(đối–tượng)	Và–đã–làm	
H6603		H2091	H4865	H4142	H7718	H0068	H0853		

יִשְׂרָאֵל׃	בְּנֵי	שְׁמֹת	עַל־	חוֹתָם
Y-sơ-ra-ên	các–con–trai	tên	theo	con–dấu
H3478		H8034		H2368

> Họ khảm trong khuôn vàng các bích ngọc có khắc tên các chi phái Y-sơ-ra-ên, như người ta khắc con dấu.

יִשְׂרָאֵל	לִבְנֵי	זִכָּרוֹן	אַבְנֵי	הָאֵפֹד	כִּתְפֹת	עַל	אֹתָם	וַיָּשֶׂם	7
Y-sơ-ra-ên	cho–các–con–trai	kỷ–niệm	đá	ê-phôt	cầu–vai	trên	chúng	Và–đã–đặt	
H3478		H2146	H0068	H0646	H3802		H0853		

פ	מֹשֶׁה׃	אֶת־	יְהוָה	צִוָּה	כַּאֲשֶׁר
*	Môi-se	(đối–tượng)	Đức-Giê-hô-va	đã–truyền	như
	H4872	H0853	H3068	H6680	

> Họ để các ngọc đó trên đai vai ê-phót đặng làm ngọc kỷ niệm về dân Y-sơ-ra-ên, y như lời Đức Giê-hô-va phán dặn Môi-se.

זָהָב	אֵפֹד	כְּמַעֲשֵׂה	חֹשֶׁב	מַעֲשֵׂה	הַחֹשֶׁן	אֶת־	וַיַּעַשׂ	8
bằng–vàng	ê-phôt	như–kiểu	thợ–thiết–kế	kiểu	bảng–đeo–ngực	(đối–tượng)	Và–đã–làm	
H2091	H0646	H4639	H2803	H4639	H2833	H0853		

מָשְׁזָר׃	וְשֵׁשׁ	שָׁנִי	וְתוֹלַעַת	וְאַרְגָּמָן	תְּכֵלֶת
xe–kếp	và–vải–gai–mịn	đỏ–thắm	và–chỉ	và–vải–tím	vải–xanh
H7806		H8144		H0713	H8504

> Họ cũng chế bảng đeo ngực cực xảo, như công việc ê-phót: bằng kim tuyến, chỉ tím, đỏ điều, đỏ sặm, và chỉ gai đậu mịn.

אָרְכּוֹ	זֶרֶת	הַחֹשֶׁן	אֶת־	עָשׂוּ	כָּפוּל	הָיָה	רָבוּעַ	9
chiều–dài–nó	một–gang	bảng–đeo–ngực	(đối–tượng)	đã–làm	gấp–đôi	đã–là	Hình–vuông	
H0753	H2239	H2833	H0853		H3717	H1961	H7251	

כָּפוּל׃	רָחְבּוֹ	וְזֶרֶת
gấp–đôi	chiều–rộng–nó	và–một–gang
H3717	H7341	H2239

> Bảng đeo ngực may lót, hình vuông, bề dài một em-ban, bề ngang một em-ban.

וּבָרֶקֶת	פִּטְדָה	אֹדֶם	טוּר	אֶבֶן	טוּרֵי	אַרְבָּעָה	בּוֹ	וַיְמַלְאוּ־	10
và–ngọc–bích	thạch–lựu–thạch	hồng–ngọc	hàng	đá	hàng	bốn	trên–nó	Và–đã–gắn	
H6357		H0124	H2905	H0068	H2905	H0702		H4390	

הָאֶחָד׃	הַטּוּר
thứ–nhất	hàng
H0259	H2905

> Họ nhận bốn hàng ngọc: hàng thứ nhất, ngọc mã não, ngọc hồng bích, và ngọc lục bửu;

וְיָהַלֹם׃	סַפִּיר	נֹפֶךְ	הַשֵּׁנִי	וְהַטּוּר	11
và–kim–cương	ngọc–làm	lựu–ly	thứ–hai	Và–hàng	
H3095	H5601	H5306	H8145	H2905	

> hàng thứ nhì, ngọc phỉ túy, ngọc lam bửu, và ngọc kim cương;

וְאַחְלָמָה׃	שְׁבוֹ	לֶשֶׁם	הַשְּׁלִישִׁי	וְהַטּוּר	12
và–tử–thạch	mã–não	ngọc–mắt–mèo	thứ–ba	Và–hàng	
H0306	H7618	H3958	H7992	H2905	

> hàng thứ ba, ngọc hồng bửu, ngọc bạch mã não, và ngọc tử tinh;

זָהָב	מִשְׁבְּצוֹת	מוּסַבֹּת	וְיָשְׁפֵה	שֹׁהַם	תַּרְשִׁישׁ	הָרְבִיעִי	וְהַטּוּר	13
vàng	khám	bọc–bằng	và–bích–ngọc–đỏ	bích–ngọc	hoàng–ngọc	thứ–tư	Và–hàng	
H2091	H4865	H4142	H3471	H7718	H8658	H7243	H2905	

בְּמִלֻּאֹתָם׃
trong–vị–trí–chúng
H4396

hàng thứ tư, ngọc huỳnh bích, ngọc hồng mã não, và bích ngọc. Các ngọc nầy đều khảm vàng.

עַל־	עֶשְׂרֵה	שְׁתֵּים	הֵנָּה	יִשְׂרָאֵל	בְנֵי־	שְׁמֹת	עַל־	וְהָאֲבָנִים	14
theo	(mười–hai)	mười–hai	chúng	Y-sơ-ra-ên	các–con–trai	tên	theo	Và–các–viên–đá	
	H6240	H8147	H2007	H3478		H8034		H0068	

שָׁבֶט׃	עָשָׂר	לִשְׁנֵים	שְׁמוֹ	עַל־	אִישׁ	חוֹתָם	פִּתּוּחֵי	שְׁמֹתָם
chi–phái	(mười–hai)	cho–mười–hai	tên–nó	theo	mỗi–cái	con–dấu	chạm–khắc	tên–chúng
H7626	H6240	H8147	H8034		H0376	H2368	H6603	H8034

Số ngọc là mười hai, tùy theo số danh của các con trai Y-sơ-ra-ên. Mỗi viên ngọc có khắc một tên trong mười hai chi phái Y-sơ-ra-ên như người ta khắc con dấu.

טָהוֹר׃	זָהָב	עֲבֹת	מַעֲשֵׂה	גַּבְלֻת	שַׁרְשְׁרֹת	הַחֹשֶׁן	עַל־	וַיַּעֲשׂוּ	15
ròng	bằng–vàng	dây–bện	kiểu	bện	dây–chuyền	bảng–đeo–ngực	trên	Và–đã–làm	
H2889	H2091	H5688	H4639	H1383	H8333	H2833			

Đoạn, trên bảng đeo ngực họ chế các sợi chuyền bằng vàng ròng, đánh lại như hình dây.

שְׁתֵּי	אֶת־	וַיִּתְּנוּ	זָהָב	טַבְּעֹת	וּשְׁתֵּי	זָהָב	מִשְׁבְּצֹת	שְׁתֵּי	וַיַּעֲשׂוּ	16
hai	(đối–tượng)	và–đã–gắn	vàng	khoen	và–hai	vàng	khám	hai	Và–đã–làm	
H8147	H0853	H5414	H2091	H2885	H8147	H2091	H4865	H8147		

הַחֹשֶׁן׃	קְצוֹת	שְׁנֵי	עַל־	הַטַּבָּעֹת
bảng–đeo–ngực	đầu	hai	trên	khoen
H2833	H7098	H8147		H2885

Cũng làm hai cái móc và hai cái khoanh bằng vàng, để hai khoanh nơi hai góc đầu bảng đeo ngực;

הַחֹשֶׁן׃	קְצוֹת	עַל־	הַטַּבָּעֹת	שְׁתֵּי	עַל־	הַזָּהָב	הָעֲבֹתֹת	שְׁתֵּי	וַיִּתְּנוּ	17
bảng–đeo–ngực	đầu	ở	khoen	hai	trên	bằng–vàng	dây–bện	hai	Và–đã–gắn	
H2833	H7098		H2885	H8147		H2091	H5688	H8147	H5414	

cùng cột hai sợi chuyền vàng vào hai khoanh đó.

וַיִּתְּנֻם	הַמִּשְׁבְּצֹת	שְׁתֵּי	עַל־	נָתְנוּ	הָעֲבֹתֹת	שְׁתֵּי	קְצוֹת	שְׁתֵּי	וְאֵת	18
và–đã–đặt–chúng	khám	hai	trên	đã–gắn	dây–bện	hai	đầu	hai	Và	
H5414	H4865	H8147		H5414	H5688	H8147	H7098	H8147	H0853	

פָּנָיו׃	מוּל	אֶל־	הָאֵפֹד	כִּתְפֹת	עַל־
mặt–nó	phía–trước	ở	ê-phôt	cầu–vai	trên
H6440	H4136	H0413	H0646	H3802	

Rồi chuyền hai đầu của hai sợi chuyền vào móc gài nơi đai vai ê-phót, về phía trước ngực.

עַל־	הַחֹשֶׁן	קְצוֹת	שְׁנֵי	עַל־	וַיָּשִׂימוּ	זָהָב	טַבְּעֹת	שְׁתֵּי	וַיַּעֲשׂוּ	19
trên	bảng–đeo–ngực	đầu	hai	trên	và–đã–đặt	vàng	khoen	hai	Và–đã–làm	
	H2833	H7098	H8147			H2091	H2885	H8147		

בָּיְתָה׃	הָאֵפֹד	עֵבֶר	אֶל־	אֲשֶׁר	שְׂפָתוֹ
bên–trong	ê-phôt	phía	ở	mà	mép–nó
	H0646	H5676	H0413		H8193

Cũng làm hai khoanh vàng khác để vào hai góc đầu dưới của bảng đeo ngực, về phía trong ê-phót.

מִלְמַטָּה phía-dưới H4295 הָאֵפֹד ê-phôt H0646 כִּתְפֹת cầu-vai H3802 שְׁתֵּי hai H8147 עַל- trên וַיִּתְּנֻם và-đã-đặt-chúng H5414 זָהָב vàng H2091 טַבְּעֹת khoen H2885 שְׁתֵּי hai H8147 וַיַּעֲשׂוּ Và-đã-làm 20

הָאֵפֹד׃ ê-phôt H0646 לְחֹשֶׁב đai H2805 מִמַּעַל phía-trên H4605 מֻחְבָּרֹתָו chỗ-nối-nó H4225 לְעֻמַּת gần H5980 פָּנָיו mặt-nó H6440 מִמּוּל phía-trước H4136

Lại làm hai khoanh vàng khác nữa để nơi đầu dưới của hai đai vai ê-phót, về phía trước, ở trên đai, gần chỗ giáp mối.

בִּפְתִיל bằng-dây H6616 הָאֵפֹד ê-phôt H0646 טַבְּעֹת khoen H2885 אֶל- vào H0413 מִטַּבְּעֹתָיו từ-khoen-nó H2885 הַחֹשֶׁן bảng-đeo-ngực H2833 אֶת- (đối-tượng) H0853 וַיִּרְכְּסוּ Và-đã-buộc H7405 21

הָאֵפֹד ê-phôt H0646 מֵעַל khỏi H5921 הַחֹשֶׁן bảng-đeo-ngực H2833 יִזַּח tuột-ra H2118 וְלֹא- và-không H3808 הָאֵפֹד ê-phôt H0646 חֹשֶׁב đai H2805 עַל- trên לִהְיֹת để-được H1961 תְּכֵלֶת xanh H8504

מֹשֶׁה׃ Môi-se H4872 אֶת- (đối-tượng) H0853 יְהוָה Đức-Giê-hô-va H3068 צִוָּה đã-truyền H6680 כַּאֲשֶׁר như

Họ lấy một sợi dây màu tím, cột hai cái khoanh của bảng đeo ngực lại cùng hai cái khoanh ê-phót, hầu cho nó dính với đai và đừng rớt khỏi ê-phót, y như lời Đức Giê-hô-va đã phán dặn Môi-se.

תְּכֵלֶת׃ vải-xanh H8504 כְּלִיל toàn-phần H3632 אֹרֶג dệt H0707 מַעֲשֵׂה kiểu H4639 הָאֵפֹד ê-phôt H0646 מְעִיל áo-dài H4598 אֶת- (đối-tượng) H0853 וַיַּעַשׂ Và-đã-làm 22

Họ cũng chế áo dài của ê-phót bằng vải thường toàn màu tím.

יִקָּרֵעַ׃ rách H7167 לֹא không H3808 סָבִיב chung-quanh H5439 לְפִיו cho-cổ-nó H6310 שָׂפָה viền H8193 תַּחְרָא áo-giáp H8473 כְּפִי như-cổ H6310 בְּתוֹכוֹ ở-giữa-nó H8432 הַמְּעִיל áo-dài H4598 פִּי- Và-cổ H6310 23

Cổ để tròng đầu vào, ở về chính giữa áo, như lỗ áo giáp, có viền chung quanh cho khỏi tét.

מָשְׁזָר׃ xe-kếp H7806 שָׁנִי đỏ-thắm H8144 וְתוֹלַעַת và-chỉ וְאַרְגָּמָן và-vải-tím H0713 תְּכֵלֶת vải-xanh H8504 רִמֹּנֵי lựu H7416 הַמְּעִיל áo-dài H4598 שׁוּלֵי gấu H7757 עַל- trên וַיַּעֲשׂוּ Và-đã-làm 24

Nơi trôn áo, thắt những trái lựu bằng chỉ xe mịn màu tím, đỏ điều, đỏ sặm;

הָרִמֹּנִים lựu H7416 בְּתוֹךְ giữa H8432 הַפַּעֲמֹנִים chuông H6472 אֶת- (đối-tượng) H0853 וַיִּתְּנוּ và-đã-gắn H5414 טָהוֹר ròng H2889 זָהָב bằng-vàng H2091 פַּעֲמֹנֵי chuông H6472 וַיַּעֲשׂוּ Và-đã-làm 25

הָרִמֹּנִים׃ lựu H7416 בְּתוֹךְ giữa H8432 סָבִיב chung-quanh H5439 הַמְּעִיל áo-dài H4598 שׁוּלֵי gấu H7757 עַל- trên

lại làm chuông nhỏ bằng vàng ròng, gắn giữa hai trái lựu, vòng theo chung quanh trôn áo;

כַּאֲשֶׁר như לְשָׁרֵת để-hầu-việc H8334 סָבִיב chung-quanh H5439 הַמְּעִיל áo-dài H4598 שׁוּלֵי gấu H7757 עַל- trên וְרִמֹּן và-lựu פַּעֲמֹן chuông H6472 וְרִמֹּן và-lựu H7416 פַּעֲמֹן Chuông H6472 26

ס * מֹשֶׁה׃ Môi-se H4872 אֶת- (đối-tượng) H0853 יְהוָה Đức-Giê-hô-va H3068 צִוָּה đã-truyền H6680

cứ một trái lựu, kế một cái chuông nhỏ, vòng theo chung quanh trôn áo dùng để hầu việc, y như lời Đức Giê-hô-va đã phán dặn Môi-se.

וּלְבָנָיו׃	לְאַהֲרֹן	אֹרֶג	מַעֲשֵׂה	שֵׁשׁ	הַכְּתֹנֶת	אֶת־	וַיַּעֲשׂוּ		27
và-các-con-ông	cho-A-rôn	dệt	kiểu	vải-gai-mịn	áo-lót	(đối-tượng)	Và-đã-làm		
	H0175	H0707	H4639		H3801	H0853			

Họ cũng chế áo lá mặc trong bằng vải gai mịn, dệt thường, cho A-rôn cùng các con trai người;

הַבָּד	מִכְנְסֵי	וְאֶת־	שֵׁשׁ	הַמִּגְבָּעַת	פַּאֲרֵי	וְאֶת־	שֵׁשׁ	הַמִּצְנֶפֶת	וְאֶת	28
vải-gai	quần	và	vải-gai-mịn	trang-điểm	mũ	và	vải-gai-mịn	mũ-đội	Và	
H0906	H4370	H0853		H4021	H6287	H0853		H4701	H0853	

מָשְׁזָר׃	שֵׁשׁ
xe-kếp	vải-gai-mịn
H7806	

Luôn cái mũ, đồ trang sức của mũ, và quần lót trong, đều bằng vải gai đậu mịn;

רֹקֶם	מַעֲשֵׂה	שָׁנִי	וְתוֹלַעַת	וְאַרְגָּמָן	וּתְכֵלֶת	מָשְׁזָר	שֵׁשׁ	הָאַבְנֵט	וְאֶת־	29
thêu	kiểu	đỏ-thắm	và-chỉ	và-vải-tím	và-vải-xanh	xe-kếp	vải-gai-mịn	đai	Và	
H7551	H4639	H8144		H0713	H8504	H7806		H0073	H0853	

ס	מֹשֶׁה׃	אֶת־	יְהוָה	צִוָּה	כַּאֲשֶׁר
*	Môi-se	(đối-tượng)	Đức-Giê-hô-va	đã-truyền	như
	H4872	H0853	H3068	H6680	

Cùng cái đai bằng vải gai đậu mịn, chỉ tím, đỏ điều, đỏ sặm, có thêu, y như lời Đức Giê-hô-va đã phán dặn Môi-se.

עָלָיו	וַיִּכְתְּבוּ	טָהוֹר	זָהָב	הַקֹּדֶשׁ	נְזֶר־	צִיץ	אֶת־	וַיַּעֲשׂוּ		30
trên-nó	và-đã-viết	ròng	bằng-vàng	thánh	triều-thiên	tấm-biển	(đối-tượng)	Và-đã-làm		
	H3789	H2889	H2091	H6944	H5145		H0853			

לַיהוָה׃	קֹדֶשׁ	חוֹתָם	פִּתּוּחֵי	מִכְתַּב
cho-Đức-Giê-hô-va	thánh	con-dấu	chạm-khắc	chữ
H3068	H6944	H2368	H6603	H4385

Họ cũng dùng vàng lá ròng chế cái thẻ thánh, khắc trên đó như người ta khắc con dấu, rằng: Thánh Cho Đức Giê-hô-va!

צִוָּה	כַּאֲשֶׁר	מִלְמַעְלָה	הַמִּצְנֶפֶת	עַל־	לָתֵת	תְּכֵלֶת	פְּתִיל	עָלָיו	וַיִּתְּנוּ	31
đã-truyền	như	phía-trên	mũ-đội	trên	để-đặt	xanh	dây	trên-nó	Và-đã-gắn	
H6680		H4605	H4701		H5414	H8504	H6616		H5414	

ס	מֹשֶׁה׃	אֶת־	יְהוָה	
*	Môi-se	(đối-tượng)	Đức-Giê-hô-va	
	H4872	H0853	H3068	

Rồi lấy một sợi dây tím đặng cột để trên mũ, y như lời Đức Giê-hô-va đã phán dặn Môi-se.

יִשְׂרָאֵל	בְּנֵי	וַיַּעֲשׂוּ	מוֹעֵד	אֹהֶל	מִשְׁכַּן	עֲבֹדַּת	כָּל־	וַתֵּכֶל		32
Y-sơ-ra-ên	con-cái	và-đã-làm	hội	lều	đền-tạm	công-việc	tất-cả	Và-đã-hoàn-tất		
H3478			H4150	H0168	H4908	H5656	H3605	H3615		

פ	עָשׂוּ׃	כֵּן	מֹשֶׁה	אֶת־	יְהוָה	צִוָּה	אֲשֶׁר	כְּכֹל
*	đã-làm	như-vậy	Môi-se	(đối-tượng)	Đức-Giê-hô-va	đã-truyền	điều-mà	theo-đúng
			H4872	H0853	H3068	H6680		H3605

Các công việc của đền tạm và hội mạc làm xong là như vậy. Dân Y-sơ-ra-ên làm y như mọi lời Đức Giê-hô-va đã phán dặn Môi-se.

33 וַיָּבִ֤יאוּ אֶת־ הַמִּשְׁכָּן֙ אֶל־ מֹשֶׁ֔ה אֶת־ הָאֹ֖הֶל וְאֶת־ כָּל־
Và-đã-mang-đến (đối-tượng) đền-tạm cho Môi-se (đối-tượng) lều và tất-cả
H0935 H0853 H4908 H0413 H4872 H0853 H0168 H0853 H3605

כֵּלָ֑יו קְרָסָ֣יו קְרָשָׁ֔יו [בריחו] (בְּרִיחָ֖יו) וְעַמֻּדָ֥יו וַאֲדָנָֽיו׃
vật-dụng-nó móc-nó tấm-ván-nó thanh-ngang nó và-cột-nó và-đế-nó
H3627 H7165 H7175 H1280 H1280 H5982 H0134

Họ đem đền tạm đến cho Môi-se: Trại và các đồ phụ tùng của Trại, nọc, ván, xà ngang, trụ và lỗ trụ;

34 וְאֶת־ מִכְסֵ֞ה עוֹרֹ֤ת הָאֵילִם֙ הַמְאָדָּמִ֔ים וְאֶת־ מִכְסֵ֖ה עֹרֹ֣ת הַתְּחָשִׁ֑ים וְאֵ֖ת
Và tấm-phủ da chiên-đực nhuộm-đỏ và tấm-phủ da cá-nước và
H0853 H4372 H5785 H0119 H0853 H4372 H5785 H8476 H0853

פָּרֹ֥כֶת הַמָּסָֽךְ׃
bức-màn che
H6532 H4539

bong da chiên đực nhuộm đỏ, bong da cá nược và cái màn;

35 אֶת־ אֲרֹ֥ן הָעֵדֻ֖ת וְאֶת־ בַּדָּ֑יו וְאֵ֖ת הַכַּפֹּֽרֶת׃
(đối-tượng) hòm chứng-ước và đòn-khiêng-nó và nắp-thi-ân
H0853 H0727 H5715 H0853 H0905 H0853 H3727

hòm bảng chứng và đòn khiêng, cùng nắp thi ân;

36 אֶת־ הַשֻּׁלְחָן֙ אֶת־ כָּל־ כֵּלָ֔יו וְאֵ֖ת לֶ֥חֶם הַפָּנִֽים׃
(đối-tượng) bàn (đối-tượng) tất-cả vật-dụng-nó và bánh trưng-bày
H0853 H7979 H0853 H3605 H3627 H0853 H3899 H6440

bàn và đồ phụ tùng của bàn cùng bánh trần thiết;

37 אֶת־ הַמְנֹרָ֨ה הַטְהֹרָ֜ה אֶת־ נֵרֹתֶ֗יהָ נֵרֹ֛ת הַמַּעֲרָכָ֖ה וְאֶת־ כָּל־
(đối-tượng) chân-đèn tinh-khiết (đối-tượng) đèn-nó đèn xếp-hàng và tất-cả
H0853 H4501 H2889 H0853 H4634 H0853 H3605

כֵּלֶ֑יהָ וְאֵ֖ת שֶׁ֣מֶן הַמָּאֽוֹר׃
vật-dụng-nó và dầu thắp-sáng
H3627 H0853 H8081 H3974

chân đèn bằng vàng ròng, thếp đèn đã sắp sẵn, các đồ phụ tùng của chân đèn và dầu thắp,

38 וְאֵת֙ מִזְבַּ֣ח הַזָּהָ֔ב וְאֵת֙ שֶׁ֣מֶן הַמִּשְׁחָ֔ה וְאֵ֖ת קְטֹ֣רֶת הַסַּמִּ֑ים וְאֵ֕ת מָסַ֖ךְ
Và bàn-thờ bằng-vàng và dầu xức và hương thơm và bức-màn
H0853 H4196 H2091 H0853 H8081 H0853 H7004 H5561 H0853 H4539

פֶּ֣תַח הָאֹֽהֶל׃
cửa lều
H6607 H0168

bàn thờ bằng vàng, dầu xức, hương liệu, tấm màn của cửa Trại;

39 וְאֵ֣ת מִזְבַּ֣ח הַנְּחֹ֗שֶׁת וְאֶת־ מִכְבָּ֤ר הַנְּחֹ֔שֶׁת אֲשֶׁר־ לֹ֔וֹ אֶת־
(đối-tượng) bàn-thờ bằng-đồng và rá bằng-đồng thuộc-về nó (đối-tượng)
H0853 H4196 H0853 H4345 H0853 H0853

בַּדָּ֖יו וְאֶת־ כָּל־ כֵּלָ֑יו אֶת־ הַכִּיּ֖ר וְאֶת־ כַּנּֽוֹ׃
đòn-khiêng-nó và tất-cả vật-dụng-nó (đối-tượng) chậu-rửa và chân-nó
H0905 H0853 H3605 H3627 H0853 H3595 H0853 H3653

bàn thờ bằng đồng và rá đồng, đòn khiêng, các đồ phụ tùng của bàn thờ, thùng và chân thùng;

40

לְשַׁעַר	הַמָּסָךְ׃	וְאֶת־	אֲדָנֶיהָ	וְאֶת־	עַמֻּדֶיהָ	אֶת־	הֶחָצֵר	קַלְעֵי	אֶת
cổng	bức–màn	và	đế–nó	và	cột–nó	(đối–tượng)	sân	bức–màn	(đối–tượng)
H8179	H4539	H0853	H0134	H0853	H5982	H0853			H0853

הַמִּשְׁכָּן	עֲבֹדַת	כְּלֵי	כָּל־	וְאֵת	וְיִתֵדֹתֶיהָ	מֵיתָרָיו	אֶת־	הֶחָצֵר
đền–tạm	công–việc	vật–dụng	tất–cả	và	và–cọc–nó	dây–thừng–nó	(đối–tượng)	sân
H4908	H5656	H3627	H3605	H0853	H3489	H4340	H0853	

לְאֹהֶל	מוֹעֵד׃
lều	hội
H0168	H4150

> các bố vi của hành lang, trụ, lỗ trụ, màn của cửa hành lang, dây, nọc, hết thảy đồ phụ tùng về việc tế lễ của đền tạm;

41

הַקֹּדֶשׁ	בִּגְדֵי	אֶת־	בַּקֹּדֶשׁ	לְשָׁרֵת	הַשָּׂרָד	בִּגְדֵי	אֶת־	
thánh	áo	(đối–tượng)	trong–nơi–thánh	để–hầu–việc	phục–vụ	áo	(đối–tượng)	
H6944		H0853	H6944	H8334	H8278		H0853	

לְכַהֵן׃	בָּנָיו	בִּגְדֵי	וְאֶת־	הַכֹּהֵן	לְאַהֲרֹן
để–làm–thầy–tế–lễ	các–con–ông	áo	và	thầy–tế–lễ	cho–A-rôn
H3547			H0853	H3548	H0175

> bộ áo lễ đặng hầu việc trong nơi thánh, bộ áo thánh cho A-rôn, thầy tế lễ cả, và bộ áo của các con trai người để làm chức tế lễ.

42

עָשׂוּ	כֵּן	מֹשֶׁה	אֶת־	יְהוָה	צִוָּה	אֲשֶׁר־	כְּכָל	
đã–làm	như–vậy	Môi-se	(đối–tượng)	Đức-Giê-hô-va	đã–truyền	điều–mà	Theo–đúng	
		H4872	H0853	H3068	H6680		H3605	

הָעֲבֹדָה׃	כָּל־	אֵת	יִשְׂרָאֵל	בְּנֵי	
công–việc	tất–cả	(đối–tượng)	Y-sơ-ra-ên	con–cái	
H5656	H3605	H0853	H3478		

> Dân Y-sơ-ra-ên làm mọi công việc nầy y như mạng lịnh của Đức Giê-hô-va đã truyền cho Môi-se.

43

צִוָּה	כַּאֲשֶׁר	אֹתָהּ	עָשׂוּ	וְהִנֵּה	הַמְּלָאכָה	כָּל־	אֶת־	מֹשֶׁה	וַיַּרְא
đã–truyền	như	nó	đã–làm	và–này	công–việc	tất–cả	(đối–tượng)	Môi-se	Và–đã–xem
H6680		H0853		H2009	H4399	H3605	H0853	H4872	H7200

פ	מֹשֶׁה׃	אֹתָם	וַיְבָרֶךְ	עָשׂוּ	כֵּן	יְהוָה	
*	Môi-se	họ	và–đã–chúc–phước	đã–làm	như–vậy	Đức-Giê-hô-va	
	H4872	H0853	H1288			H3068	

> Môi-se xem các công việc làm, thấy họ đều làm y như lời Đức Giê-hô-va đã phán dặn; đoạn Môi-se chúc phước cho họ.